

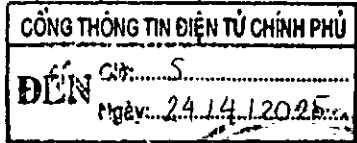
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải



Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2025.

Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Trưởng ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- BCĐ Trung ương phòng, chống thiên tai;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). 400





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Ứng phó sự cố chất thải

(Kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc ứng phó sự cố chất thải xảy ra trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, bao gồm: Chuẩn bị ứng phó sự cố; tổ chức ứng phó sự cố; cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố; cơ chế hỗ trợ ứng phó, phục hồi môi trường, sự tham gia của cộng đồng dân cư và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quy chế này không điều chỉnh sự cố chất thải xảy ra trên biển. Việc ứng phó sự cố chất thải xảy ra trên biển được thực hiện theo quy định pháp luật về ứng phó sự cố hóa chất độc, ứng phó sự cố tràn dầu và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan đến hoạt động ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố.

Điều 3. Sự cố chất thải, phân cấp sự cố chất thải và nguyên tắc ứng phó sự cố chất thải

1. Sự cố chất thải là sự cố môi trường do rò rỉ, tràn đổ, phát tán chất thải trong quá trình phát sinh, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, tái chế, thu hồi năng lượng, tiêu hủy chất thải.

2. Sự cố chất thải được phân cấp tương ứng với việc phân cấp sự cố môi trường quy định tại Điều 123 Luật Bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Sự cố chất thải cấp cơ sở;
- Sự cố chất thải cấp huyện;
- Sự cố chất thải cấp tỉnh;

d) Sự cố chất thải cấp quốc gia.

3. Nguyên tắc ứng phó sự cố chất thải:

a) Chủ động phòng ngừa, chủ động xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các nguồn lực, các phương án hiệp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố chất thải;

b) Tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin sự cố chất thải kịp thời, ưu tiên bảo đảm thông tin cho hoạt động ứng phó, báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền khi vượt khả năng ứng phó;

c) Ứng phó sự cố chất thải được thực hiện theo phương châm bốn tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và ba sẵn sàng (phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả). Phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả hoạt động chuẩn bị và ứng phó sự cố chất thải;

d) Chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó sự cố chất thải;

đ) Bảo đảm các biện pháp an toàn cho lực lượng ứng phó sự cố chất thải và người dân trong khu vực chịu ảnh hưởng từ sự cố chất thải;

e) Tổ chức, cá nhân gây sự cố chất thải phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí ứng phó sự cố chất thải, cải tạo, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác do sự cố chất thải gây ra, trừ trường hợp Nhà nước chi trả theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Điều 4. Xây dựng kế hoạch và diễn tập ứng phó sự cố chất thải

1. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải:

a) Chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm xây dựng và ban hành kế hoạch ứng phó sự cố chất thải. Nội dung ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải có thể được lồng ghép vào kế hoạch ứng phó sự cố khác; trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố chất thải được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp các bộ, ngành có liên quan xây dựng và ban hành kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia; Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh ban hành kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp tỉnh; Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện ban hành kế hoạch

ứng phó sự cố chất thải cấp huyện. Nội dung ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện quy định tại điểm này có thể được lồng ghép, tích hợp với các kế hoạch phòng thủ dân sự hoặc kế hoạch ứng phó sự cố khác; trường hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện được lồng ghép, tích hợp với kế hoạch phòng thủ dân sự cùng cấp thì kế hoạch phòng thủ dân sự phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải được lập cho giai đoạn chuẩn bị ứng phó sự cố và tổ chức ứng phó sự cố. Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải phải có các kịch bản ứng phó sự cố để có phương án ứng phó tương ứng.

3. Việc công khai kế hoạch ứng phó sự cố chất thải của cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Việc chỉ đạo diễn tập kế hoạch ứng phó sự cố chất thải được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường. Việc tổ chức diễn tập ứng phó sự cố chất thải của cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường.

Điều 5. Xây dựng lực lượng, nguồn lực, trang thiết bị và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải

1. Chủ dự án đầu tư, cơ sở phải có công trình, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố chất thải theo quy định của pháp luật hoặc phối hợp với đơn vị có năng lực trong thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố chất thải.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, xây dựng lực lượng và nguồn lực, trang thiết bị ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường.

Chương III TỔ CHỨC ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Điều 6. Tiếp nhận và xử lý thông tin về sự cố chất thải

1. Chủ dự án đầu tư, cơ sở đề xảy ra sự cố chất thải có trách nhiệm báo cáo ngay, kịp thời đến Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban phòng thủ dân sự cấp xã nơi xảy ra sự cố. Tổ chức, cá nhân phát hiện sự cố chất thải có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản này.

2. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã nơi xảy ra sự cố trực tiếp xác minh, tổ chức ứng phó sự cố kịp thời và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để công bố sự cố chất thải hoặc thông báo cấp có thẩm quyền để tổ chức ứng phó sự cố theo cấp sự cố chất thải quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra sự cố có trách nhiệm thông tin kịp thời về Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cùng cấp hoặc cấp trên trực tiếp để kiểm tra và xử lý.

Điều 7. Ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở

1. Người đại diện theo pháp luật của cơ sở hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy ứng phó sự cố tại cơ sở.

2. Người chỉ huy ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở phải tổ chức ứng phó sự cố, đánh giá phạm vi ảnh hưởng và khả năng tự ứng phó của cơ sở để thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Trường hợp sự cố trong khả năng tự ứng phó của cơ sở, người chỉ huy có trách nhiệm thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo kế hoạch, kịch bản đã được phê duyệt; đồng thời có trách nhiệm báo cáo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã về việc ứng phó sự cố trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố;

b) Trường hợp sự cố vượt ngoài khả năng tự ứng phó của cơ sở, người chỉ huy phải thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã nơi xảy ra sự cố hoặc Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện để được tổ chức ứng phó; bàn giao quyền chỉ huy cho Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện và chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố của cơ sở thực hiện theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện.

3. Báo cáo và thông báo sự cố chất thải quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gồm các nội dung: Thời gian, địa điểm, nguyên nhân xảy ra sự cố; mức độ, phạm vi ảnh hưởng, các thiệt hại do sự cố gây ra; các hoạt động ứng phó sự cố đã thực hiện; đánh giá khả năng ứng phó của cơ sở và các nội dung khác có liên quan.

Điều 8. Ứng phó sự cố chất thải ngoài cơ sở

1. Xác định và công bố sự cố chất thải:

a) Ngay sau khi nhận được thông báo quy định tại Điều 6 Quy chế này nhưng không muộn hơn 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện tổ chức xác định cấp sự cố theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này và chỉ đạo việc ứng

phó sự cố theo quy định tại Quy chế này; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo ngay tới Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh để chỉ đạo ứng phó sự cố. Trưởng ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện quyết định công bố sự cố chất thải. Ngay sau khi nhận được báo cáo của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện hoặc có căn cứ xác định sự cố cấp tỉnh nhưng không muộn hơn 12 giờ kể từ thời điểm nhận được báo cáo hoặc có căn cứ xác định sự cố cấp tỉnh, Trưởng ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh quyết định công bố sự cố chất thải. Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh chỉ đạo ứng phó sự cố theo quy định tại Quy chế này; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo ngay tới Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chỉ đạo ứng phó sự cố.

Ngay sau khi nhận được báo cáo của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc có căn cứ xác định sự cố cấp quốc gia nhưng không muộn hơn 12 giờ kể từ thời điểm nhận được báo cáo hoặc có căn cứ xác định sự cố cấp quốc gia, Trưởng ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quyết định công bố sự cố chất thải và chỉ đạo ứng phó sự cố theo quy định tại Quy chế này;

b) Quyết định công bố sự cố chất thải bao gồm các thông tin: Cấp sự cố, địa điểm, thời gian, phạm vi ảnh hưởng và các khuyến nghị có liên quan; thành lập sở chỉ huy hiện trường để tổ chức ứng phó sự cố; chỉ định người chỉ huy ứng phó sự cố, người phát ngôn ứng phó sự cố (ghi rõ họ tên, chức vụ, thông tin liên hệ) và lực lượng tham gia ứng phó sự cố.

2. Người chỉ đạo và người chỉ huy ứng phó sự cố chất thải:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện là người chỉ đạo ứng phó sự cố, huy động lực lượng, thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố, chỉ định người chỉ huy và người phát ngôn về sự cố chất thải cấp huyện xảy ra trên địa bàn;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trưởng ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh là người chỉ đạo ứng phó sự cố, huy động lực lượng, thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố, chỉ định người chỉ huy và người phát ngôn về sự cố chất thải cấp tỉnh xảy ra trên địa bàn;

c) Trưởng ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia là người chỉ đạo ứng phó sự cố, huy động lực lượng, thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố, chỉ định người chỉ huy và người phát ngôn về sự cố chất thải cấp quốc gia.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của người chỉ đạo ứng phó sự cố chất thải:

a) Thành lập sở chỉ huy, chỉ định người chỉ huy, người phát ngôn, lực lượng ứng phó sự cố; thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố trong trường hợp cần thiết;

b) Huy động, giao kinh phí, phương tiện, thiết bị và huy động lực lượng ứng phó sự cố cho người chỉ huy ứng phó sự cố, tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan tham gia, phối hợp ứng phó sự cố;

c) Trực tiếp chỉ đạo ứng phó sự cố; báo cáo và đề nghị cấp trên hỗ trợ ứng phó sự cố và cải tạo, phục hồi môi trường trong trường hợp cần thiết;

d) Trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của người chỉ huy ứng phó sự cố chất thải:

a) Tổ chức kịp thời các biện pháp khẩn cấp bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan và hạn chế thấp nhất các thiệt hại, khắc phục hậu quả xảy ra;

b) Tiếp nhận, sử dụng kinh phí, phương tiện, trang thiết bị và trực tiếp chỉ huy các lực lượng tổ chức ứng phó sự cố; huy động lực lượng, trang thiết bị cần thiết để ứng phó sự cố chất thải; thường xuyên báo cáo người chỉ đạo và cung cấp thông tin cho người phát ngôn về ứng phó sự cố;

c) Tham vấn tổ chức, chuyên gia hoặc đề nghị cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân hỗ trợ trong quá trình ứng phó sự cố.

5. Cơ quan tham mưu ứng phó sự cố chất thải:

a) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp huyện chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan khác của Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp huyện;

b) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh chủ trì, phối hợp cơ quan có liên quan khác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp tỉnh;

c) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công an, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế và cơ quan có liên quan khác tham mưu Trưởng ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia;

d) Các cơ quan quy định điểm a, b và c khoản này có trách nhiệm hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật cho người chỉ huy ứng phó sự cố và tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 9. Xác định nguyên nhân sự cố chất thải

1. Trưởng ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp quốc gia ngay sau khi sự cố xảy ra; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp tỉnh ngay sau khi sự cố xảy ra; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp huyện ngay sau khi sự cố xảy ra.

2. Thành phần tổ công tác, gồm: Quốc phòng; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Y tế; chuyên gia (nếu có) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 10. Hoạt động của tổ công tác

1. Tổ công tác có nhiệm vụ:

a) Thu thập các mẫu môi trường như đất, nước, không khí, chất thải tại khu vực xảy ra sự cố và khu vực có khả năng bị ảnh hưởng;

b) Thu thập thông tin về các dấu hiệu liên quan đến sức khỏe người dân bị ảnh hưởng xung quanh khu vực sự cố;

c) Xác định nguyên nhân gây ra sự cố chất thải và thu thập các tài liệu có liên quan của cơ sở xảy ra sự cố để phục vụ công tác điều tra;

d) Chụp ảnh, quay phim ghi lại hiện trường xảy ra sự cố hoặc niêm phong bảo vệ hiện trường sự cố (nếu cần thiết) sau khi công tác ứng phó sự cố chất thải đã hoàn thành công việc;

đ) Lập danh sách, phỏng vấn nhanh tổ chức, cá nhân có liên quan đến sự cố tại hiện trường, gồm: Chủ dự án đầu tư, cơ sở gây ra sự cố, nhân viên của cơ sở gây ra sự cố có mặt tại hiện trường, người bị thiệt hại bởi sự cố, các bên có liên quan;

e) Khảo sát, phân tích và cảnh báo các nguyên nhân có thể xảy ra sự cố và khu vực có khả năng bị ảnh hưởng;

g) Cung cấp thông tin và hỗ trợ kỹ thuật cho cơ quan tham mưu cho chỉ huy ứng phó sự cố chất thải.

2. Tổ công tác được huy động phòng thí nghiệm, thiết bị di động để phục vụ công tác xác định nguyên nhân sự cố chất thải trường hợp cần thiết.

3. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 11. Công bố, cung cấp thông tin về ứng phó sự cố chất thải

1. Người phát ngôn ứng phó sự cố chất thải được chỉ định theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này có trách nhiệm thông báo về sự cố chất thải.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của người phát ngôn:

a) Cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, trung thực, chính xác về sự cố chất thải và tình hình ứng phó sự cố chất thải cho cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan và các cơ quan truyền thông;

b) Tiếp nhận hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải từ người chỉ đạo, người chỉ huy, cơ quan tham mưu, tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Hình thức cung cấp thông tin:

a) Thông qua các đầu mối liên lạc của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo kế hoạch ứng phó sự cố chất thải và các kịch bản ứng phó sự cố hoặc công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các cấp;

b) Tổ chức họp báo cung cấp thông tin hoặc thông qua các cơ quan truyền thông trung ương, địa phương để thông tin về sự cố, ứng phó sự cố;

c) Các kênh thông tin liên lạc khác phù hợp với đặc điểm, tình hình và điều kiện của khu vực, địa bàn nơi xảy ra sự cố.

4. Cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về sự cố chất thải và ứng phó sự cố chất thải; các cơ quan truyền thông được tiếp cận thông tin về sự cố chất thải và có trách nhiệm đưa thông tin chính xác, trung thực, kịp thời đến người dân.

5. Thông tin về ứng phó sự cố chất thải quy định tại Điều này do người chỉ đạo ứng phó sự cố chất thải quyết định và được cung cấp trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm công bố sự cố chất thải.

Điều 12. Kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải

1. Giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố kết thúc khi bảo đảm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Nguồn thải chính gây ra sự cố chất thải được cô lập, kiểm soát, thu gom, xử lý an toàn và không có khả năng gây ra sự cố tiếp theo;

b) Không còn yếu tố phát sinh từ sự cố chất thải có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người.

2. Người chỉ đạo ứng phó sự cố chất thải quyết định công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố khi đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Quyết định công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố phải được công khai bằng một trong các hình thức cung cấp thông tin quy định tại khoản 3 Điều 11 Quy chế này.

3. Người chỉ đạo ứng phó sự cố chất thải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chuyển hồ sơ cho cơ quan công an trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự;

b) Báo cáo kết quả ứng phó sự cố chất thải cho cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên;

c) Lưu trữ hồ sơ ứng phó sự cố chất thải theo quy định về lưu trữ.

Chương IV

CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG SAU SỰ CỐ CHẤT THẢI

Điều 13. Cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố chất thải

1. Chủ dự án đầu tư, cơ sở gây ra sự cố chất thải phải thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố chất thải trong phạm vi cơ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố chất thải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động phục hồi môi trường.

2. Việc phục hồi môi trường sau sự cố chất thải cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

a) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố chất thải trên địa bàn;

b) Cơ quan chuyên môn được phân công, giao nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố chất thải cấp quốc gia.

3. Việc cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố phải bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh; phục hồi mặt bằng cư trú, sản xuất kinh doanh, môi trường tự nhiên đối với khu vực không có hệ sinh thái được bảo tồn; khôi phục một số đặc điểm chính của hệ sinh thái đối với khu vực có hệ sinh thái được bảo tồn.

Điều 14. Phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường

1. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp huyện có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

2. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

3. Cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

4. Nội dung chính của kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 15. Tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

1. Chủ dự án đầu tư, cơ sở gây ra sự cố chất thải phải huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình để thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố chất thải trong phạm vi cơ sở. Trường hợp cần sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương để thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì phải có văn bản đề xuất để chính quyền địa phương bố trí lực lượng, phương tiện, thiết bị phù hợp.

2. Việc cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố chất thải cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia được thực hiện theo một trong các trường hợp sau:

a) Chủ dự án đầu tư, cơ sở gây ra sự cố chất thải tự mình thực hiện hoặc thuê đơn vị khác thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan phê duyệt kế hoạch phục hồi môi trường tổ chức triển khai kế hoạch cải tạo phục hồi môi trường thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, nếu thuộc trường hợp phải đấu thầu.

3. Tổ chức, đơn vị trúng thầu thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường và bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 13 Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Cơ quan trình phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có quyền tham gia giám sát, thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường.

Điều 16. Kết thúc cải tạo, phục hồi môi trường

1. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền quyết định nghiệm thu kết quả cải tạo, phục hồi môi trường.
2. Cơ quan phê duyệt kế hoạch phục hồi môi trường có trách nhiệm công bố kết thúc giai đoạn phục hồi môi trường cho cộng đồng dân cư, cơ quan báo chí, truyền thông.
3. Trong vòng 30 ngày sau khi công bố kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, cơ quan phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường báo cáo kết quả cho cơ quan có thẩm quyền cấp trên trực tiếp.

Chương V

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VÀ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Điều 17. Tài chính cho ứng phó sự cố chất thải

1. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm chi trả kịp thời và đầy đủ toàn bộ các chi phí liên quan đến tổ chức ứng phó sự cố chất thải và cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân gây ra sự cố thì kinh phí ứng phó, cải tạo, phục hồi môi trường do Nhà nước chi trả.
2. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm bồi hoàn các chi phí liên quan đến tổ chức ứng phó sự cố chất thải và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố cho ngân sách nhà nước theo yêu cầu bồi hoàn bằng văn bản của cơ quan nhà nước đã chi kinh phí này.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng, thiệt hại do sự cố có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân gây ra sự cố chất thải phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tham gia của cộng đồng trong ứng phó sự cố chất thải

1. Chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm công khai kế hoạch và kịch bản ứng phó sự cố thông qua hình thức niêm yết tại cơ sở và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và các hình thức thuận lợi khác.
2. Cộng đồng dân cư có khả năng bị ảnh hưởng từ sự cố chất thải phải được thông báo về các nguy cơ sự cố và các biện pháp ứng phó sự cố chất thải do cơ sở thực hiện; được biết và giám sát các hoạt động ứng phó sự cố chất thải và cải tạo, phục hồi môi trường do cơ sở hoặc cơ quan nhà nước thực hiện.
3. Đại diện cộng đồng dân cư có khả năng bị ảnh hưởng phải được tham gia các hoạt động diễn tập ứng phó sự cố chất thải của cơ sở và cơ quan nhà nước. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm thông tin cho cộng đồng và

làm đầu mỗi thông tin liên lạc trong quá trình chuẩn bị, thực hiện ứng phó sự cố chất thải và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố. Trường hợp cần thiết, đại diện cộng đồng dân cư có quyền yêu cầu cơ sở, cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp, giải trình các thông tin về sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải và cải tạo, phục hồi môi trường.

Điều 19. Khuyến khích tham gia hoạt động ứng phó sự cố chất thải

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư, tham gia cung cấp dịch vụ ứng phó sự cố chất thải, bao gồm: Chuẩn bị ứng phó sự cố chất thải, tổ chức ứng phó sự cố chất thải và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố chất thải.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp công sức, tài chính cho các hoạt động ứng phó sự cố chất thải quy định tại Quy chế này.

Chương VI TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố chất thải đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng; các hoạt động chuẩn bị ứng phó sự cố chất thải, tổ chức ứng phó sự cố chất thải thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn nội dung kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; quy trình, kỹ thuật ứng phó sự cố chất thải, kịch bản sự cố chất thải đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm môi trường và cơ quan công an các cấp tham gia ứng phó sự cố chất thải theo yêu cầu của cơ quan, cấp có thẩm quyền;

b) Chỉ đạo và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực xảy ra sự cố chất thải; điều tra làm rõ nguyên nhân gây ra sự cố chất thải theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố chất thải đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh; các hoạt động chuẩn bị ứng phó sự cố chất thải, tổ chức ứng phó sự cố chất thải thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn nội dung kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; quy trình, kỹ thuật ứng phó sự cố chất thải, kịch bản sự cố chất thải đối với các dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tham gia tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia theo phân công của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố chất thải cấp quốc gia.

4. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Tham gia ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia theo sự phân công của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;

b) Tổ chức đánh giá phạm vi, mức độ tác động của sự cố chất thải quốc gia đến sức khỏe con người.

5. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan triển khai các phương án về sử dụng hạ tầng giao thông, các trang thiết bị, phương tiện, vật tư vận tải trong phạm vi phụ trách tham gia ứng phó sự cố chất thải theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

6. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này theo thẩm quyền bảo đảm phù hợp theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh, cấp huyện

1. Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chỉ đạo xây dựng, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia, cấp tỉnh; kiểm tra và đôn đốc việc chuẩn bị và sẵn sàng tổ chức ứng phó sự cố; tổ chức huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố chất thải cấp quốc gia, cấp tỉnh.

2. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp huyện; kiểm tra và đôn đốc việc chuẩn bị và sẵn sàng tổ chức ứng phó sự cố; tổ chức huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố chất thải cấp huyện.

3. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện chỉ đạo xây dựng, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở; kiểm tra và đôn đốc việc chuẩn bị và sẵn sàng tổ chức ứng phó sự cố; tổ chức huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở.

4. Chỉ đạo, trực tiếp tổ chức ứng phó sự cố chất thải theo Quy chế này.

Điều 22. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

1. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại địa phương; chỉ đạo các đơn vị tại địa phương triển khai thực hiện, tổ chức diễn tập và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải;

b) Xây dựng lực lượng ứng phó sự cố chất thải, bảo đảm nguồn nhân lực, phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố và sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn;

c) Chỉ đạo, tổ chức và huy động các lực lượng có liên quan ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn;

d) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn hợp pháp khác để thực hiện chi phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cùng cấp tổ chức kiểm tra, đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố chất thải tại địa phương; xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định; hướng dẫn thực hiện hoạt động chuẩn bị, tổ chức ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cùng cấp tổ chức ứng phó sự cố chất thải, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố chất thải trên địa bàn;

c) Thực hiện các trách nhiệm khác về ứng phó sự cố chất thải theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của chủ dự án đầu tư, cơ sở

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải; xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Định kỳ hàng năm tổ chức diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.